

Số: 97/2014/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 16 tháng 7 năm 2014

**NGHỊ QUYẾT**

Về việc Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2014-2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH  
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 8/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2014 - 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2014 - 2020, như sau:

**1. Đối tượng hỗ trợ**

a) Các xã thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2014-2020.

b) Hộ gia đình và chủ trang trại trên địa bàn nông thôn; hợp tác xã, tổ hợp tác và doanh nghiệp nhỏ trên địa bàn nông thôn.

**2. Nguyên tắc hỗ trợ**

Hỗ vốn cho các hạng mục, công trình thực hiện theo kế hoạch xây dựng nông thôn mới hàng năm, theo quy mô và tổng mức đầu tư do cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các hạng mục công trình phải phù hợp với Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã và thuộc Đề án xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

### 3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với tất cả các xã, hỗ trợ 100% từ ngân sách nhà nước cho: Công tác quy hoạch; xây dựng trụ sở xã; kinh phí cho công tác đào tạo kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho cán bộ xã, cán bộ thôn bản, cán bộ hợp tác xã.

b) Các nội dung khác được quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, như sau:

Số TT	Nội dung hỗ trợ	Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã CT 229	Đối với các xã còn lại
I	Hỗ trợ vật tư		
1	Xây dựng đường giao thông đến trung tâm xã, đường giao thông thôn, xóm;	Hỗ trợ toàn bộ vật liệu, gồm: Xi măng, cát, đá, sỏi	Hỗ trợ toàn bộ xi măng
II	Hỗ trợ kinh phí (%)		
1	Kiên cố hóa kênh mương nội đồng và công trình thủy lợi	85	70
2	Xây dựng trường học đạt chuẩn	95	90
3	Xây dựng trạm y tế xã	95	90
4	Xây dựng nhà văn hóa xã	80	70
5	Xây dựng nhà văn hóa xóm bản	50	40
6	Xây dựng chợ nông thôn	70	60
7	Công trình thể thao xã	80	70
8	Công trình thể thao xóm bản	70	60
9	Công trình cấp nước sinh hoạt	75	50
10	Công trình thoát nước thải khu dân cư	70	60
11	Bãi thu gom rác thải	80	70
12	Đường trục chính nội đồng	85	70
13	Hỗ trợ xây dựng nghĩa trang	50	30
14	Hỗ trợ mua máy cơ giới trong nông nghiệp	30	20
15	Hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ và hoạt động khuyến nông	Theo quy định của Chính phủ	
16	Hạ tầng khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản	70	60

#### 4. Cơ chế quản lý vốn đầu tư

Cơ chế quản lý vốn đầu tư đối với các nội dung hỗ trợ theo Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

#### 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu và nguồn ngân sách địa phương được bố trí cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Nội dung và mức hỗ trợ được cân đối, bố trí theo kế hoạch giao hàng năm.

#### Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh, thay đổi Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quyết định và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình khóa XV kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014./.

#### Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ
- Bộ KH&ĐT;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- TT HĐND, UBND các huyện, TP;
- Lãnh đạo VPĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CT.HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Bùi Văn Tinh**